

2. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Bảng 3: Kết quả phân tích thủy hóa

Địa điểm	Nhiệt độ***	pH****	DO****	Độ trong****	Độ mặn***	Độ kiềm***	N-NH ₄ ⁺ *	COD*	H ₂ S*	TSS*
	°C		mg/l	cm	‰	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l
NC Kỳ Ninh	29	8,2	4	40	35	71,6	0,005	2,40	0,000	48,0
NC Kỳ Thu	28	7,6	4	35	15	71,6	0,879	4,48	0,005	25,0
NC Cẩm Lộc	33	8,0	4	35	20	89,5	0,309	5,12	0,003	69,5
NC Thạch Hạ	30	8,5	4	40	17	71,6	0,218	2,40	0,000	25,5
NC Đan Trường	28	7,2	4	40	18	71,6	0,551	1,92	0,000	16,5
NC Thạch Châu	30	7,5	4	38	22	71,6	0,143	1,92	0,000	25,5
NC Đinh Bàn	30	8,5	4	40	20	107,4	0,259	3,20	0,000	33,5
Quy chuẩn tham chiếu	18-33^b	7-9^b	≥3,5^b	20-50^b	5-35^b	60-180^b	<0,3^c	<10^c	<0,05^b	<50^a

Ghi chú:

- Ký hiệu (a): QCVN 10-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn Việt Nam. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước biển – Nước biển vùng biển ven bờ. Cột giá trị giới hạn – Vùng nuôi trồng thủy sản, bảo tồn thủy sinh.
- Ký hiệu (b): QCVN 02-19:2014/BNNPTNT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở nuôi tôm nước lợ - Điều kiện đảm bảo vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm.
- Ký hiệu (c): QCVN 08-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt - Cột A1: Bảo tồn động thực vật thủy sinh.
- Dấu (*): Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.
- Dấu (***): Chỉ tiêu đo tại hiện trường, được cung cấp bởi Chi cục Thủy sản Hà Tĩnh.

Bảng 4: Kết quả phân tích mật độ tảo, thành phần tảo độc

Điểm quan trắc	Mật độ tảo (tế bào/lít)*					Tổng (tế bào/lít)	Thành phần tảo độc	Mật độ tảo độc (tb/l)
	Tảo Lục	Tảo Silic	Tảo Lam	Tảo Giáp	Tảo mắt			
NC Kỳ Ninh	0	210	0	0	0	210	KPH	0
NC Kỳ Thu	0	240	200.000	0	0	200.240	KPH	0
NC Cẩm Lộc	0	122	51.333	0	0	51.455	KPH	0
NC Thạch Hạ	0	880	7.333	0	0	8.213	KPH	0
NC Đan Trường	0	550	12.833	0	0	13.383	KPH	0
NC Thạch Châu	0	1.760	29.333	0	0	31.093	KPH	0
NC Đỉnh Bàn	0	569	10.667	36	0	11.272	KPH	0

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

- Các chỉ tiêu phân tích gồm nhiệt độ, DO, pH, độ trong, độ mặn, độ kiềm, COD và H₂S tại các điểm quan trắc đều có giá trị trong giới hạn cho phép theo QCVN 02-19:2014/ BNNPTNT và QCVN 08-MT:2015/BTNMT.
- Hàm lượng TSS có 1/7 điểm nguồn cấp cao vượt giới hạn cho phép 1,39 lần theo QCVN 10-MT:2015/BTNMT.
- Hàm lượng N-NH₄⁺ có 3/7 điểm nguồn cấp cao vượt giới hạn cho phép từ 1,03 đến 2,93 lần theo QCVN 08-MT:2015/BTNMT
- Mật độ tảo tại các điểm quan trắc Nguồn cấp dao động từ 210 – 200.240 tế bào/lít. Trong đó, Nguồn cấp tại Kỳ Thu có mật độ cao nhất (200.240 tế bào/lít), kế đến là Cẩm Lộc (51.455 tế bào/lít), Thạch Châu (31.093 tế bào/lít), Đan Trường (13.383 tế bào/lít) và Đỉnh Bàn (11.272 tế bào/lít). Nguồn cấp tại Kỳ Ninh có mật độ thấp nhất 210 tế bào/lít.
- Không phát hiện tảo độc tại 7 điểm Nguồn cấp.

4. KHUYẾN CÁO

- Đối với nguồn nước cấp tại các điểm Kỳ Thư, Cẩm Lộc và Đan Trường: Các cơ sở nuôi không nên lấy nước vào ao tại thời điểm này. Nếu cần thiết, cần lấy nước qua túi lọc dày (đường kính lỗ lọc $\leq 200 \mu\text{m}$) ở thời điểm đỉnh triều vào ao lắng, sử dụng chế phẩm sinh học để giảm hàm lượng N-NH_4^+ trước khi cấp vào ao nuôi.
- Sử dụng các hóa chất được phép lưu hành trên thị trường để khử trùng nước (Chlorine 10-20 ppm).

Bắc Ninh, ngày 21 tháng 8 năm 2023

Trưởng Phòng



Phạm Thái Giang



Lãnh đạo đơn vị

CHỖ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Bình

